

Số: 2919 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường tài sản trên đất và chi phí thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của Hợp tác xã Vận tải cơ giới Tân Lập tại thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo để xây dựng Trung tâm Thương mại - Dịch vụ tổng hợp huyện Ea H'Leo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về giá nhà xây dựng mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Liên sở: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính tại Tờ trình số 491/TTr-LN ngày 26/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường tài sản trên đất và chi phí thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của Hợp tác xã Vận tải cơ giới Tân



Lập tại thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo để xây dựng Trung tâm Thương mại - Dịch vụ tổng hợp huyện Ea H'Leo, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được bồi thường: Hợp tác xã Vận tải cơ giới Tân Lập, thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo.

2. Tài sản được bồi thường: nhà làm việc, công trình xây dựng trên đất và cây trồng trên diện tích thu hồi là 1.964 m².

3. Diện tích đất thu hồi là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm nên không được bồi thường về đất (theo Quyết định cho thuê đất số 2559/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh).

4. Tổng giá trị bồi thường và kinh phí thực hiện bồi thường: 361.660.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 354.569.000 đồng (có bảng tính kèm theo), trong đó:

TT	Nội dung bồi thường	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Về nhà, công trình trên đất	353.619.470	
2	Về cây trồng trên đất	950.000	
	Tổng cộng	354.569.470	354.569.000 đồng

b) Chi phí thực hiện bồi thường: 7.091.000 đồng (có bảng tính kèm theo).

5. Nguồn vốn thực hiện chi trả: Từ nguồn Ngân sách huyện Ea H'leo.

Điều 2. Giao UBND huyện Ea H'leo thực hiện phương án hỗ trợ được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chịu trách nhiệm về các số liệu đã thẩm định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Ea H'leo; Chủ tịch UBND thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo; Chủ nhiệm hợp tác xã Vận tải cơ giới Tân Lập, thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: CN, KT;
- Lưu: VT, NNMT (Đc.23b).



Y Giang Gry Niê Knong

DỰ TOÁN CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Phương án: Bồi thường tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi đất của Hợp tác xã Vận tải cơ giới Tân Lập để xây dựng Trung tâm Thương mại - Dịch vụ tổng hợp huyện Ea H'Leo
(Kèm theo Quyết định số 2919 /QĐ-UBND ngày 05 /10 /2016 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI	Đơn vị tính	Số lượng	Số ngày	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Chi đi kiểm kê tài sản bị thiệt hại để lập Phương án bồi thường					1.150.000
1.1	Chi cho cán bộ huyện (TTPTQĐ: 3 người; phòng NN&PTNT: 01; Phòng KTHH 01 người; Phòng TNMT 01 người; VPĐK đất 01 người)	Người/ngày	7	1	150.000	1.050.000
1.2	Chi cho Cán bộ thị trấn (01 người),	Người/ngày	1	1	100.000	100.000
2	Chi tổng hợp, lập PA sơ bộ để niêm yết 20 ngày lấy ý kiến; hoàn chỉnh PA để trình thẩm định phê duyệt; niêm yết PA đã phê duyệt.					1.440.000
2.1	Chi làm thêm giờ lập dự toán TS trên đất, lập PA sơ bộ	Người/ngày	2	1	300.000	600.000
2.2	Chi CTP niêm yết công khai PABT (2 lần, mỗi lần đi 1 buổi)	Người/ngày	1	1	120.000	120.000
2.1	Chi làm thêm giờ tính toán các chỉ tiêu, tổng hợp, lập PA	Người/ngày	2	1	300.000	600.000
2.3	Chi CTP kết thúc niêm yết PABT (2 lần, mỗi lần đi 1 buổi)	Người/ngày	1	1	120.000	120.000
3	Chi giải quyết vướng mắc và chi trả tiền bồi thường					720.000
3.1	Chi làm việc, giải quyết vướng mắc với HTX Tân Lập	Người/ngày	4	1	120.000	480.000
3.2	Chi trả tiền bồi thường (2 người, 1 ngày)	Người/ngày	2	1	120.000	240.000
4	Chi thẩm định Phương án bồi thường					2.440.000
4.1	Chi công tác thẩm định cho cơ quan Tài nguyên môi trường (5% của KP tổ chức thực hiện bồi thường)					400.000
4.2	Chi phụ cấp công tác phí đi nộp PABT trình thẩm định	Người/ngày	2	1	240.000	480.000
4.3	Chi thuê xe đi tham gia thẩm định PABT	Chuyến				1.200.000
4.4	Chi phụ cấp công tác phí đi tham gia thẩm định PABT	Người/ngày	3	1	120.000	360.000
5	Chi phí pho to tài liệu và văn phòng phẩm (giấy, viết, mực in, pho to...)					941.000
6	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp (5%)					400.000
	<u>Tổng cộng</u>					<u>7.091.000</u>

Tổng dự toán chi phí (bằng chữ): Bảy triệu, không trăm chín mươi một ngàn đồng.

**BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ VỀ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT CỦA HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CƠ GIỚI
TÂN LẬP ĐỂ XÂY DỰNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TỔNG HỢP HUYỆN EA H'LEO**

(Kèm theo Quyết định số 2919 /QĐ-UBND ngày 05 / 10/2016 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Quy cách	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá				Thành tiền (đồng)	
						Đơn giá cơ bản	Hệ số điều chỉnh	Phần trừ đi	Phần cộng thêm		Đơn giá đã điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$11 = (7+10) \times 8$	$12 = 6 \times 11 \times (4+20\%)$
1	Về đất:										0
	Đất chuyên dùng của HTX Vận tải cơ giới Tân Lập được UBND tỉnh cho thuê trả tiền hàng năm.			m ²	1.322	0				0	0
2	Cây trồng:										950.000
	Trứng cá	Trên 4 năm		Cây	2	25.000	1			25.000	50.000
	Bàng	Trồng năm 2008		Cây	6	150.000	1			150.000	900.000
3	Công trình trên đất:										353.619.470
	Nhà làm việc (XD năm 2003): Móng xây đá hộc, nền láng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn thiếc, có sê nô mặt đứng. Kích thước (5,2m x 5,3m) + (4m x 2,2m) = 36,36 m ² . Phần la phong tôn: 4m x 5m = 20m ² . Cửa kéo bằng sắt công nghệ Đài Loan: 3,5m x 3,2m = 11,2m ² . Cửa đi, cửa sổ panô sắt kính: (1,2m x 1,4m x 2)+(0,8m x 2,2m) = 5,12m ²		48%	m ²	36,36	3.053.000	1,02	364.598		2.742.170	67.799.594
	Nhà vệ sinh (XD năm 2007): Móng xây đá hộc, trụ BTCT 20x20cm, dầm BTCT 10x10cm, mái BTCT (mái bằng), tường xây gạch ống dày 10cm, cao <4m, quét vôi 2 nước, nền xi măng, cửa pa nô gỗ. Kích thước 2,7m x 1,7m.		64%	m ²	4,59	3.665.000	1	198.000		3.467.000	13.367.365
	Bể tự hoại (XD năm 2007): Tường xây gạch có nắp đan đáy bê. Bể ba ngăn, kích thước: (2x1,2x1,5)		55%	Cái	1,00	15.087.000	1			15.087.000	11.315.250
	Giếng thăm (đào năm 2007): Đường kính 1m, sâu 10m, xây thành có tấm đan che đáy		10%	m ³	7,85	493.000	1		130.828	623.828	1.469.115

Bể nước xây gạch (XD năm 2007): Tường xây gạch dày 10cm. Kích thước: (1,6 x 1,2 x 0,9)	55%	m ³	1,73	1.832.000	1		1.832.000	2.374.272
Bể nước xây gạch (XD năm 2007): Tường xây gạch dày 15cm. Kích thước: (2,7 x 1,7 x 0,9).	55%	m ³	4,13	1.790.000	1		1.790.000	5.545.868
Mái hiên (XD năm 2007): Khung thép hình, cột thép tròn phi 50mm, lợp tôn thiếc, nền lót đá 4x6 dày 10cm, mặt bê tông xi măng M150, đá 1x2 dày 5cm. Kích thước 11m x 5,2m = 57,2m ² .	10%	m ²	57,20	361.500	1	165.300	526.800	9.039.888
Giếng khoan (XD năm 2008): Giếng khoan bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV đường kính lỗ khoan phi 150mm, đất cấp I-III, độ sâu 90m.	20%	m	90,00	449.000	1		449.000	16.164.000
Kè đá (XD năm 2008): Chiều dài 47m gồm: Móng trụ BTCT, tường xây đá chẻ dày 40cm; Bên trên có lưới B40, cao 1,6m, trụ BTCT 20cm x 20cm khoảng cách trụ 2,2m (chi tiết kè đá theo hồ sơ)	73%	m	47	4.012.477	1		4.012.477	175.385.370
Tường xây gạch (XD năm 2008): móng xây gạch 25 x 25cm tường xây gạch ống dày 10cm, không tô trát, cao 0,9m dài 4,2m	68%	m	4,2	176.080	1		176.080	650.792
Tường xây gạch (XD năm 2007): móng xây đá hộc, tường xây gạch ống dày 15cm, có tô trát, cao 1,4m dài 10,2m.	64%	m	10,2	625.384	1		625.384	5.358.290
Sân xi măng (làm năm 2008): Lót đá 4x6, VXM M50 dày 10cm, nền láng VXM M75 dày 3cm. Kích thước: (3,8m x 44,5m) + (12,4m x 6,5m).	60%	m ²	249,7	154.000	1		154.000	30.763.040
Sân láng nhựa Tc 5kg/m² (làm năm 2005): Kích thước: 38,5m x (32m-7m).	45%	m ²	962,5	Sử dụng nguồn Ngân sách huyện (do Phòng Kinh tế huyện nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng làm chủ đầu tư) nên không bồi thường.				0
Trụ điện (XD năm 2010): có 02 trụ điện BTCT Đường kính 30cm, cao 10m. Kích thước móng trụ BT 1,3x1,4x1,5	76%	Trụ	2	2.400.000	1	2.683.273	5.083.273	9.759.884

Trụ Công (XD năm 2010): Khung kết cấu thép tròn, hình tam giác đều 50cm, cao 6m. (Thép đứng $\Phi 760$ mm dài 6m, thép giằng $\Phi 490$ mm dài 1m và 0,42m; thép $\Phi 760$ mm và $\Phi 490$ mm dày 1,4mm	40%	Trụ	2	3.855.619	1			3.855.619	4.626.743
TỔNG CỘNG (1+2+3):									354.569.470